

Bản án số: 553/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/4/2021  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Nguyễn Thị Tám Ly

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Đỗ Tường Phúc – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2021 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 618/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị T.

Địa chỉ: đường M, phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Văn T.

Địa chỉ: đường X, phường Y, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn ngày 09/9/2020, tại bản tự khai và biên bản hoà giải, nguyên đơn là bà Võ Thị T trình bày:*

Bà và ông Trần Văn T tự nguyện yêu thương nhau và đăng ký kết hôn ngày 31/12/2008 tại Ủy ban nhân dân phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 300, quyển số 01/2008.

Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu. Sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bắt đầu quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, không thể hàn gắn. Hiện nay bà và ông T không còn sống chung với nhau, đã ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Trần Mai Tuyết N, sinh ngày 10/3/2009. Bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản hòa giải, bị đơn ông Trần Văn T trình bày:*

Ông còn thương yêu vợ con và mong muốn gia đình đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung là trẻ Trần Mai Tuyết N, sinh ngày 10/3/2009. Không yêu cầu bà T cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông T và yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Trần Mai Tuyết N, sinh ngày 10/3/2009. Bà đủ điều kiện nuôi dưỡng nên không yêu cầu ông T cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại biên bản hòa giải, yêu cầu xin được đoàn tụ với bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu: Được thể hiện đầy đủ trong bài phát biểu số 31/PB-VKS-HNGĐ ngày 29/4/2021.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Quan hệ giữa bà Võ Thị T và ông Trần Văn T là quan hệ hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, do ông T cư trú tại quận Bình Thạnh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

### **2. Về yêu cầu của các đương sự:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 300, quyển số 01/2008 ngày 31/12/2008 của Ủy ban nhân dân phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh thể hiện hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp.

Nay nguyện vọng của bà T muốn ly hôn với ông T vì lý do tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay và không thể hàn gắn lại hạnh phúc gia đình.

Hội đồng xét xử xét,

Hôn nhân là việc nam nữ tự nguyện thương yêu và xây dựng hạnh phúc gia đình, trong đó cả hai cùng chung tay vun đắp cho hạnh phúc chung, tin tưởng và

cùng nhau vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa bà T và ông T trong thời gian đầu hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do giữa hai người bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, tính cách không phù hợp, nên dẫn đến thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay và không thể hàn gắn được, hiện nay bà T không còn tình cảm với ông T. Vì vậy, nguyện vọng của bà T xin được ly hôn với ông T là có cơ sở nên được chấp nhận.

*Về con chung:*

Căn cứ vào bản sao Trích lục khai sinh số 216/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 20/5/2017 đã có đủ cơ sở thể hiện giữa bà T và ông T có 01 con chung là trẻ Trần Mai Tuyết N, sinh ngày 10/3/2009.

Bà T và ông T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng trẻ Trần Mai Tuyết N.

Hội đồng xét xử xét,

Qua chứng cứ thể hiện trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đã có đủ cơ sở để khẳng định giữa bà T và ông T rất quyết tâm yêu cầu Hội đồng xét xử cho được nuôi con, qua đó đã cho thấy tình cảm hết sức tốt đẹp của người cha và mẹ rất thương con. Nhưng ở đây Hội đồng xét xử xét thấy việc thương yêu chăm sóc con cần phải có hành động thiết thực, cụ thể để tạo điều kiện tốt nhất cho con về sức khỏe, học hành và phát triển tâm sinh lý.

Trong suốt quá trình hai vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay thì cả bà T và ông T đều phân chia thời gian nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ngân, cháu vẫn phát triển tâm sinh lý bình thường, ổn định, sức khỏe tốt. Tuy nhiên, tại bản tự khai đề ngày 15/3/2021, cháu Ngân trình bày muốn sống cùng mẹ nếu ba mẹ ly hôn. Mặt khác, cháu Ngân là con gái nên việc ở với mẹ sẽ tạo điều kiện cho bé phát triển tốt hơn về tâm sinh lý. Do đó, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của bà T có cơ sở nên được chấp nhận.

Bà T đủ điều kiện kinh tế nên không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của bà T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Về tài sản chung:* Bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

*Về án phí DSST:* 300.000 đồng, bà T phải đóng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ vợ chồng:** Bà Võ Thị T được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Giao trẻ Trần Mai Tuyết N, sinh ngày 10/3/2009 cho bà Võ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con. Vì quyền lợi của con khi cần thiết đôi bên được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về án phí DSST:** là 300.000 đồng, bà T phải đóng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0087505 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3. Quyền kháng cáo:**

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- THA Dân sự Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND Phường 25, Q. Bình Thạnh;
- Lưu HS (P).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Huệ**